TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2019/DS-ST
Ngày: 15-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiển
2. Bà Quách Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1949; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Chị Võ Thị H, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: K 1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2018,biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 25/6/2017 al bà có cho vợ chồng chị H, anh Q mượn (vay không tính lãi suất) số tiền là 32.000.000đ, vợ chồng chị H, anh Q có viết biên nhận nợ vay cho bà H. Vợ chồng chị H hứa vài tháng sau sẽ trả số tiền trên nhưng

đến nay đã hơn một năm không chịu trả. Nay bà T yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Q, chị H phải trả cho bà số tiền là 32.000.000đ, không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 và biên bản hòa giải ngày 05/3/2019 bị đơn chị Lê Võ Thị H trình bày: Chị thừa nhận số nợ mà vợ chồng chị thiếu của bà T số tiền 32.000.000đ, có viết biên nhận nợ vay. Do chồng chị H là anh Q đã bỏ nhà đi không liên hệ về gia đình và chị phải chăm lo cho các con chị tuổi còn trẻ nhỏ nên chưa trả số nợ trên cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả nợ thì chị đồng ý trả toàn bộ số nợ trên, không yêu cầu anh Q liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng chị. Chị xin trả dần mỗi tháng trả số tiền là 1.000.000đ, trả dần cho đến khi hết nợ, trả vào ngày 05, bắt đầu trả vào tháng 4/2019.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Q vắng mặt phiên tòa nên không có lời trình bày:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà T, bị đơn chị H chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Bị đơn anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt vi phạm nghĩa vụ của đương sự tại các Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu của bà Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Xuân Q, chị Võ Thị H; buộc anh Q, chị H trả số tiền là 32.000.000đ cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Xuân Q vắng mặt, chị Võ Thị H có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q theo quy định tại Điều 227 và tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay là 32.000.000đ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản ” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn vợ chồng chị H, anh Q có nơi cư trú trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] *Về nội dung:* Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn vợ chồng chị H, anh Q thanh toán số tiền vay nợ gốc là 32.000.000đ. Tại biên bản hòa giải, bị đơn chị H thống nhất số nợ còn thiếu nêu trên và đồng ý trả nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 *(quy định các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh)* của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án công nhận số nợ vay các bên thừa nhận nêu trên là sự thật.

Bị đơn có nại ra hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần nhiều lần mỗi tháng trả số tiền là 1.000.000đ, trả dần cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn chấp thuận, bị đơn chị H đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho bà T. Xét thấy bị đơn chị H, anh Q có viết biên nhận nợ vay ngày 25/6/2017 al và thừa nhận đến nay chưa thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*); Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*) của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 32.000.000đ.

Kể từ ngày bà Tuyết có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng chị H, anh Q không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn chị H, anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000đ x 5% = 1.600.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Buộc bị đơn chị Võ Thị H, anh Nguyễn Xuân Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị T số tiền vay nợ gốc là 32.000.000đ.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng chị H, anh Q không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Buộc chị H, anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000đ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị H, anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng